**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÁ THƯỚC**
**TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-01- 2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Huyền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Cao Thiên Bảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 193/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59 ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa:

*Nguyên đơn*: Chị Lục Thị T ; Sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ , xã CL, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn*: Anh Hà Văn N ; Sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ , xã CL, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Lò Thị B , sinh năm 1962 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ , xã CL, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị Lục Thị T trình bày: Chị T và anh N tự do tìm hiểu nhau khoảng 06 năm và tự nguyện lấy nhau. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Ngày 25

tháng 11 năm 2014 tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước. Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc khoảng hơn 02 năm. Sau đó vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm do anh N ham chơi, bạn bè, cờ bạc thích là đi thâu đêm không bao giờ tôn trọng vợ con. Chị T đã khuyên can nhưng anh N không thay đổi và vợ chồng không có tiếng nói chung nên luôn bất hòa.

Chị Thư và anh N mâu thuẫn gay gắt từ năm 2017 và ly thân từ đó đến nay. Nay chị T không còn tình cảm vợ chồng nên xin được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Hà Nhật M , sinh ngày 14/04/2015. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Có nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) bà Lò Thị B mẹ chồng đã đưa tiền cho anh N đi trả. Nay không còn nợ Ngân hàng chính sách. Nếu bà Biển yêu cầu thì chị T sẽ có trách nhiệm trả cho bà 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án. Bị đơn anh Hà Văn N trình bày: Anh N và chị T yêu nhau khoảng 05 đến 06 năm thì tự nguyện lấy nhau. Năm 2014 anh chị tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Lũng.

Từ năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về kinh tế, không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Bản thân anh N có ham chơi và khi đi chơi không trao đổi với chị T nên chị thấy tổn thương và vợ chồng dẫn đến cãi nhau bất đồng quan điểm. Nay mâu thuẫn đã gay gắt có hàn gắn cũng không hạnh phúc nên anh N đồng ý ly hôn. Và đồng ý để chị T nuôi con anh N không cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị Lục Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Nhật M , sinh ngày 14/04/2015 nhưng yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tự nguyện có trách nhiệm trả cho mẹ chồng là bà Lò Thị B 6.000.000đ ( Sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa: Anh Hà Văn N đồng ý ly hôn. Khi ly hôn anh N đồng ý để chị T nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về nợ chung: Anh N và chị T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội là 12.000.000đ (Hiện nay mẹ đẻ anh Nam đã đưa tiền cho anh N trả xong. Nay anh N yêu cầu chị T có trách nhiệm trả cho mẹ đẻ anh N 6.000.000đ(Sáu triệu đồng).

Xác minh tại địa phương thì chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N và chị T đã ly thân.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lò Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải. Bà Biển đã đưa tiền của bà cho anh N đi trả Ngân hàng chính sách và xã hội huyện Bá Thước 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Nay chị T và anh N ly hôn thì chị T có trách nhiệm trả cho bà 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và anh N trả cho bà 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T ly hôn anh N Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Nhật M , sinh ngày 14/04/2015 cho đến khi thành niên. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).Về nợ chung: Chị T và anh N mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Lò Thị B 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).Về tài sản: Chị T và anh N đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí chị Lục Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

**[2]** *Về nội dung*: Chị Lục Thị T và anh Hà Văn N tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

**[3]** *Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn giữa chị Lục Thị T và anh Hà Văn N đã đến mức trầm trọng. Cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người một nơi không chung mục đích. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh và chị đã ly thân. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lục Thị T được ly hôn anh Hà Văn N .

*Về con chung*. HĐXX căn cứ các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Giao cháu Hà Nhật M , sinh ngày 14/04/2015 cho chị Lục Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Hà Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi cháu Hà Nhật M đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Công nhận Chị Lục Thị T và anh Hà Văn N có nợ và Lò Thị B 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Khi ly hôn chị Lục Thị Thư và anh Hà Văn N mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Lò Thị B là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

**[4].***Về án phí:* Chị Lục Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27; Anh Hà Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đối với khoản nợ của bà Lò Thị B đây là người có quyền lợi nghĩa vụ theo đương sự nên chị Lục Thị T và anh Hà Văn N không phải chịu án phí của số tiền phải trả cho bà Lò Thị B .

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227; Điểm b khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5; Điển b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**2**. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lục Thị T . Xử cho chị Lục Thị T ly hôn anh Hà Văn N .

**3**. Về con chung: Giao cháu Hà Nhật M , sinh ngày 14/04/2015 cho chị Lục Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Hà Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi cháu Hà Nhật M đủ 18 tuổi. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể kháng cáo, kháng nghị.

Anh Hà Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản: Không có, không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Công nhận chị Lục Thị T và anh Hà Văn N có nợ bà Lò Thị B 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Khi ly hôn chị Lục Thị T và anh Hà Văn N mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Lò Thị B là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Lò Thị B có quyền lấy nợ từ anh Hà Văn N là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và lấy nợ từ chị Lục Thị T là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

**4**. Về án phí: Chị Lục Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã đóng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008469 ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước (chị T đã nộp đủ). Anh Nà Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm có mặt chị Lục Thị T và anh Hà Văn N , vắng mặt bà Lò Thị B . Chị T ư và anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà Lò Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tống đạt án hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
THA dân sự huyện Bá Thước
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Quyên**